

Số: /2024/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.

2. Thông tư này không áp dụng đối với người điều khiển xe gắn máy.

Điều 2. Tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng chia theo 3 nhóm, cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: Áp dụng với trường hợp khám sức khỏe để cấp giấy phép lái xe hạng A1, B1 và người điều khiển xe máy chuyên dùng;

b) Nhóm 2: Áp dụng với trường hợp khám sức khỏe để cấp giấy phép lái hạng A và B;

c) Nhóm 3: Áp dụng với trường hợp khám sức khỏe để cấp giấy phép lái hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE.

3. Người có giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 nếu có nhu cầu đổi, cấp lại giấy phép lái xe từ hạng A1 sang giấy phép lái xe hạng A theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: Áp dụng tiêu chuẩn sức khỏe Nhóm 1 để khám sức khỏe.

4. Việc khám sức khỏe đối với người khuyết tật đề nghị cấp giấy phép lái xe hạng A1 hoặc cấp giấy phép lái xe hạng B quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: Áp dụng tiêu chuẩn sức khỏe quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để khám sức khỏe nhưng không phải khám chuyên khoa Cơ Xương Khớp.

Điều 3. Khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô

1. Quy trình khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng và khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi là Thông tư số 32/2023/TT-BYT).

2. Nội dung khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô:

a) Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Thông tư số 32/2023/TT-BYT; đối với nội dung khám tâm thần thực hiện theo quy định tại mục 1 phần II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với người hành nghề lái xe là nữ khi khám sức khỏe định kỳ khám chuyên khoa phụ sản theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Thông tư số 32/2023/TT-BYT;

c) Xét nghiệm ma túy và xét nghiệm nồng độ cồn.

4. Cấp và lưu giấy khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; sổ khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 38 Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

Điều 4. Hồ sơ khám sức khỏe

1. Hồ sơ khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô:

a) Thực hiện theo mẫu quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Thông tư số 32/2023/TT-BYT;

b) Bổ sung nội dung hạng giấy phép lái xe vào mục 7 (nghề nghiệp). *Đ*

2/11

Điều 5. Cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng

Cấu trúc dữ liệu kết quả khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng gồm các thông tin sau:

1. Phần Hành chính: Các thông tin theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06).

2. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe; ngày khám sức khỏe.

3. Kết quả xét nghiệm ma túy.

4. Kết luận về tình trạng sức khỏe.

Điều 6. Chi phí khám sức khỏe cho người lái xe

Chi phí khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy khám sức khỏe và sổ khám sức khỏe định kỳ của người lái xe được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy khám sức khỏe và sổ khám sức khỏe định kỳ của người lái xe theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.

2. Mẫu giấy khám sức khỏe của người lái xe ban hành tại Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy

1/10

kh

định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe bản giấy đã in, được tiếp tục sử dụng và phải tuân thủ hướng dẫn ghi theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ sở in mới giấy khám sức khỏe phải tuân thủ mẫu theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Mẫu sổ khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ban hành tại Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe bản giấy đã in được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ghi bổ sung nội dung quy định tại khoản 3 Điều 36 Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

4. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang thực hiện khám sức khỏe lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện mà không phải công bố lại trừ các trường hợp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

5. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Trường hợp đã công bố đủ điều kiện khám sức khỏe định kỳ cho người lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực: được thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người hành nghề lái xe ô tô theo quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp không đủ điều kiện khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt, Da liễu, Ngoại khoa thì được phép ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để khám các chuyên khoa nêu trên. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, cơ sở phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cục Quản lý Khám, chữa bệnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Thông tư này trên toàn quốc.

2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Y tế Bộ, ngành:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Thông tư này theo thẩm quyền quản lý;

b) Tổng hợp số liệu khám sức khỏe với người hành nghề lái xe ô tô thuộc thẩm quyền quản lý và gửi về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) theo định kỳ hằng năm.

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm:

a) Báo cáo hoạt động khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô về cơ quan quản lý trực tiếp;

[Handwritten signature]

b) Thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu khám sức khỏe với cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo; Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KCB (02), PC (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuấn

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE,
NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỐ TT	CHUYÊN KHOA	TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG		
		Người có một trong các tình trạng bệnh, tật sau đây thì không đủ điều kiện để lái xe theo các hạng xe tương ứng		
		NHÓM 1 Áp dụng đối với người lái xe hạng: A1, B1 và người điều khiển xe máy chuyên dùng	NHÓM 2 Áp dụng đối với người lái xe hạng: A và B	NHÓM 3 Áp dụng đối với người lái xe hạng: C1,C,D1,D2,D,BE,C1E, CE, D1E, D2E và DE
1	TÂM THẦN	Bệnh lý tâm thần đang ở giai đoạn cấp tính hoặc đang tiến triển	Bệnh lý tâm thần đã được điều trị ổn định hoàn toàn nhưng chưa đủ 06 tháng	Bệnh lý tâm thần đã được điều trị ổn định hoàn toàn nhưng chưa đủ 24 tháng
2	THẦN KINH	Liệt vận động từ hai chi trở lên	<ul style="list-style-type: none">- Động kinh còn cơn trong vòng 24 tháng gần nhất (không/có dùng thuốc điều trị);- Liệt vận động từ hai chi trở lên;- Hội chứng ngoại tháp;- Rối loạn cảm giác sâu;- Chóng mặt do các nguyên nhân bệnh lý	<ul style="list-style-type: none">- Động kinh;- Liệt vận động một chi trở lên;- Hội chứng ngoại tháp;- Rối loạn cảm giác nông hoặc rối loạn cảm giác sâu;- Chóng mặt do các nguyên nhân bệnh lý
3	MẮT	<ul style="list-style-type: none">- Thị lực nhìn xa bằng hai mắt: <4/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);- Nếu còn một mắt, thị lực <4/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);- Rối loạn nhận biết 3 màu cơ bản: đỏ, vàng, xanh lá cây;	<ul style="list-style-type: none">- Thị lực nhìn xa bằng hai mắt: < 5/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);- Nếu còn một mắt, thị lực <5/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);- Rối loạn nhận biết 3 màu cơ bản: đỏ, vàng, xanh lá cây;- Song thị kể cả có điều chỉnh bằng lăng kính.	<ul style="list-style-type: none">- Thị lực nhìn xa từng mắt: mắt tốt < 8/10 hoặc mắt kém <5/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);- Tật khúc xạ có số kính: > + 5 diop hoặc > - 8 diop;- Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương): < 160° mở rộng về bên phải < 70°, mở rộng về bên trái < 70°;- Thị trường đứng (chiều trên-dưới) trên dưới đường ngang <30°;- Bán manh, ám điểm góc;- Rối loạn nhận biết 3 màu cơ bản: đỏ, vàng, xanh lá cây;

1/10

				<ul style="list-style-type: none"> - Song thị; - Các bệnh chói sáng; - Giảm thị lực lúc chập tối (quáng gà).
4	TAI - MŨI - HỌNG			<p>Thính lực ở tai tốt hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói thường < 4m (kể cả sử dụng máy trợ thính) - Hoặc nghe tiếng nói thầm tối thiểu (ở tai tốt hơn) < 0,4 m (kể cả sử dụng máy trợ thính).
5	TIM MẠCH		<ul style="list-style-type: none"> - Block nhĩ thất độ II hoặc có nhịp chậm kèm theo các triệu chứng lâm sàng (kể cả đã được điều trị nhưng không ổn định); - Suy tim độ III trở lên (theo phân loại của Hiệp hội tim mạch New York - NYHA) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh tăng HA khi có điều trị mà HA tối đa ≥ 180 mmHg và/hoặc HA tối thiểu ≥ 100 mmHg; - HA thấp (HA tối đa < 90 mmHg) kèm theo tiền sử có các triệu chứng như chóng mặt, mệt mỏi, buồn ngủ hoặc ngất xỉu; - Các bệnh viêm tắc mạch (động-tĩnh mạch), dị dạng mạch máu biểu hiện lâm sàng ảnh hưởng đến khả năng thao tác vận hành lái xe ô tô; - Các rối loạn nhịp: nhịp nhanh trên thất, nhịp nhanh thất, cuồng nhĩ, rung nhĩ, nhịp nhanh nhĩ và nhịp nhanh xoang > 120 chu kỳ/phút, đã điều trị nhưng chưa ổn định; - Ngoại tâm thu thất ở người có bệnh tim thực tổn và/hoặc từ độ III trở lên theo phân loại của Lown; - Block nhĩ thất độ II hoặc có nhịp chậm kèm theo các triệu chứng lâm sàng (kể cả đã được điều trị nhưng không ổn định); - Con đau thắt ngực do bệnh lý mạch vành; - Ghép tim; - Sau can thiệp tái thông mạch vành; - Suy tim độ II trở lên (theo phân loại của Hiệp hội tim mạch New York - NYHA).



6	HÔ HẤP		Các bệnh, tật gây khó thở mức độ III trở lên (theo phân loại mMRC)	<ul style="list-style-type: none"> - Các bệnh, tật gây khó thở mức độ II trở lên (theo phân loại mMRC); - Hen phế quản kiểm soát một phần hoặc không kiểm soát; - Lao phổi đang giai đoạn lây nhiễm.
7	CƠ - XƯƠNG - KHỚP	Cụt hoặc mất chức năng 01 bàn tay hoặc 01 bàn chân và một trong các chân hoặc tay còn lại không toàn vẹn (cụt hoặc giảm chức năng).	Cụt hoặc mất chức năng 01 bàn tay hoặc 01 bàn chân và một trong các chân hoặc tay còn lại không toàn vẹn (cụt hoặc giảm chức năng).	<ul style="list-style-type: none"> - Cứng/dính một khớp lớn; - Khớp giả ở một vị các xương lớn; - Gù, vẹo cột sống quá mức gây ưỡn cột sống; cứng/dính cột sống ảnh hưởng tới chức năng vận động; - Chiều dài tuyệt đối giữa hai chi trên hoặc hai chi dưới có chênh lệch từ 5 cm trở lên mà không có dụng cụ hỗ trợ; - Cụt hoặc mất chức năng 02 ngón tay của 01 bàn tay trở lên hoặc cụt hoặc mất chức năng 01 bàn chân trở lên.
8	NỘI TIẾT			Đái tháo đường (tiểu đường) có tiền sử hôn mê do đái tháo đường trong vòng 01 tháng.
9	SỬ DỤNG THUỐC, CHẤT CÓ CỒN, MA TÚY VÀ CÁC CHẤT HƯỞNG THẦN	Sử dụng các chất ma túy	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các chất ma túy; - Sử dụng chất có nồng độ cồn (áp dụng khi khám sức khỏe định kỳ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các chất ma túy; - Sử dụng chất có nồng độ cồn (áp dụng khi khám sức khỏe định kỳ); - Sử dụng thuốc điều trị làm ảnh hưởng tới khả năng thức tỉnh; - Lạm dụng chất kích thần, chất gây ảo giác.



PHỤ LỤC II
MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE,
NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...(1).../GKSKLX/Mã Cơ
sở khám chữa bệnh/Năm

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE
CỦA NGƯỜI LÁI XE, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Ảnh (4 x 6 cm) đóng dấu giáp lai hoặc Scan ảnh (ảnh được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ khám sức khỏe)

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: (Tuổi:.....)
4. Số CCCD /CC/Hộ chiếu/Định danh công dân:(2).....
5. Cấp ngày...../..... /..... Tại.....
6. Chỗ ở hiện tại:.....
7. Đề nghị khám sức khỏe để lái xe hạng:(3).....

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD/CC gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không cần ghi mục 2, mục 5, mục 6

I. TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ; b) Có ;

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

.....

.....

.....

2. Tiền sử, bệnh sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không (Bác sỹ hỏi bệnh và đánh dấu X vào ô tương ứng)

Có/Không			Có/Không		
Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua			Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		
Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu			Bệnh tâm thần		

1/10

Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)			Mất ý thức, rối loạn ý thức		
Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác			Ngất, chóng mặt, mệt mỏi, buồn ngủ hoặc ngất xỉu		
Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác			Bệnh tiêu hóa		
Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)			Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		
Tăng huyết áp			Tai biến mạch máu não hoặc liệt		
Khó thở			Bệnh hoặc tổn thương cột sống		
Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính			Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		
Bệnh thận, lọc máu			Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

3. Câu hỏi khác (nếu có):

Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

1.11

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên, chữ ký của Bác sỹ													
1. Tâm thần: Kết luận.....															
2. Thần kinh: Kết luận.....															
3. Mắt: - Thị lực nhìn xa từng mắt: + Không kính: Mắt phải:.....Mắt trái:..... + Có kính: Mắt phải:.....Mắt trái:..... - Thị lực nhìn xa hai mắt: Không kính.....Có kính..... - Thị trường:															
<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương)</th> <th colspan="2">Thị trường đứng (chiều trên-dưới)</th> </tr> <tr> <th>Bình thường</th> <th>Hạn chế</th> <th>Bình thường</th> <th>Hạn chế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>				Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương)		Thị trường đứng (chiều trên-dưới)		Bình thường	Hạn chế	Bình thường	Hạn chế				
Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương)				Thị trường đứng (chiều trên-dưới)											
Bình thường	Hạn chế			Bình thường	Hạn chế										
-Sắc giác + Bình thường <input type="checkbox"/> + Màu màu toàn bộ <input type="checkbox"/> Màu màu: - Đỏ <input type="checkbox"/> - Xanh lá cây <input type="checkbox"/> - vàng <input type="checkbox"/> Các bệnh về mắt (nếu có): Kết luận.....															
4.Tai-Mũi-Họng - Kết quả khám thính lực (có thể sử dụng máy trợ thính) + Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m + Tai phải: Nói thường:..... .m; Nói thầm:.....m - Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):															

1/11

.....	
.....	
Kết luận.....
5. Tim mạch:	
+ Mạch:lần/phút;	
+ Huyết áp:...../.....mmHg	
.....	
.....	
Kết luận.....
6. Hô hấp:	
.....	
.....	
Kết luận.....
7. Cơ Xương Khớp:	
.....	
.....	
Kết luận.....
8. Nội tiết:	
.....	
.....	
Kết luận.....

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ/Trưởng bộ phận
1. Xét nghiệm ma túy (Xét nghiệm sàng lọc và định tính các loại ma túy theo quy định của Bộ Y tế: Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin) Kết quả:	
2. Các xét nghiệm chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám sức khỏe: Xét nghiệm nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở/huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác (điện não đồ, điện	



tim...)	
a) Kết quả:.....	
b) Kết luận:.....	

IV. KẾT LUẬN (4)

.....

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận)

....., ngày.....tháng..... năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI ĐỐI VỚI MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE, SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Hướng dẫn ghi đối với mẫu giấy khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng

(1) Số:/GKSKLX/Mã Cơ sở khám chữa bệnh/Năm: Ghi số giấy khám theo quy tắc 5 (năm) số thứ tự tăng dần/GKSKLX/Mã CSKCB/Năm XX (VD: 00001/GKSKLX/34001/24).

(2) Số CCCD/CC/Hộ chiếu/Định danh công dân: Ghi số Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc số Định danh công dân.

(3) Đề nghị khám sức khỏe để lái xe hạng: Ghi rõ hạng giấy phép lái xe đề nghị và ghi rõ cấp đổi hoặc cấp mới hoặc cấp lại.

(4) Kết luận: Ghi rõ kết luận về tình trạng sức khỏe để lái xe theo một trong các trường hợp sau:

+ Đủ điều kiện sức khỏe lái xe/điều khiển xe máy chuyên dùng hạng (ghi rõ hạng giấy phép lái xe).

+ Không đủ điều kiện sức khỏe lái xe/điều khiển xe máy chuyên dùng hạng (ghi rõ hạng giấy phép lái xe).

+ Đạt tiêu chuẩn sức khỏe lái xe/điều khiển xe máy chuyên dùng hạng (ghi rõ hạng giấy phép lái xe) nhưng yêu cầu khám lại (ghi cụ thể thời gian khám lại).

1/11

+ Đủ điều kiện sức khỏe lái xe hạng A1 đối với người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

+ Đủ điều kiện sức khỏe lái xe hạng B đối với người khuyết tật điều khiển xe ô tô số tự động có kết cấu phù hợp với tình trạng khuyết tật.

2. Hướng dẫn ghi đối với mẫu số khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT

(1) Sau mục 9 Phần I. Khám lâm sàng: Ghi bổ sung

+ Mục 10: khám Răng - Hàm - Mặt;

+ Mục 11: khám Da liễu, Ngoại khoa.

(2) Phần III. Kết luận:

+ Ghi theo hướng dẫn tại phần (4) Kết luận tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bổ sung mục "Phân loại sức khỏe"

1.11